TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2020
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Huy.

Ông Đào Đức Giôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX/HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Hồng G, sinh năm 1992; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 2 thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Hà Nam; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tạ Văn T, sinh năm 1986; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Dương Thị Hồng G trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Tạ Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn ngày 17/12/2015 tại UBND xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh T ở thôn V, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, anh T đi làm ăn xa, ít khi về nhà, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng từ đó dẫn tới không có hạnh phúc, anh chị hay cãi vã, anh T hay chửi bới chị G cũng như gia đình chị G vô cớ. Ngay từ thời gian đó anh chị đã ly thân với nhau, chị G trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại xóm 2 thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Hà Nam; trong thời gian ly thân vợ chồng không gặp gỡ, quan hệ tình cảm và không thể hòa giải đoàn tụ với nhau.

Chị G xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Con chung: Giữa chị G và anh T chưa có con chung. Hiện nay chị G không có thai.

Tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng chị không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Tạ Văn T trình bày như sau:

Anh T xác nhận anh với chị Dương Thị Hồng G tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/12/2015 tại UBND xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh T ở thôn V, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn đền đầu năm 2016 thì anh T đi làm ăn xa, ít khi về nhà, chị G làm ăn ở nhà, do tính cách không hợp nên giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hay cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ thời gian đó anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị G xin ly hôn anh T hoàn toàn đồng ý.

Con chung: Giữa chị G và anh T chưa có con chung. Hiện nay chị G không có thai.

Tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng chị không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do đi làm ăn xa không thể tới tham dự được phiên tòa nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, anh không có ý kiến thắc mắc gì.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thôn, xã nơi vợ chồng chị G, anh T cư trú thì mâu thuẫn giữa chị Gấn và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân chỉ còn là hình thức. Việc giải quyết cho hai anh chị ly hôn là để giải phóng cho cả đôi bên.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đây đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị Hồng G. Cho chị G được ly hôn anh T.

Về con chung: Không có..

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

5. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện P, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Dương Thị Hồng G và anh Tạ Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Hà Nội ngày

17/12/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2015), quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng anh chị hạnh phúc được một thời gian ngắn đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T đi làm ăn xa, vợ chồng không có sự quan tâm và chia sẻ trong cuộc sống, tính cách giữa hai bên không hợp nên thường xẩy ra mâu thuẫn dẫn đến hay cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ thời gian đó anh chị đã ly thân với nhau, chị G trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; trong thời gian ly thân vợ chồng không gặp gỡ, quan hệ tình cảm và không thể hòa giải đoàn tụ với nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Chị G, anh T xác định vợ chồng chưa có con chung. Hiện chị G không có thai.

4.Về tài sản chung: Chị G, anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về công nợ: Chị G, anh T xác nhận vợ chồng không vay mượn ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét, nếu sau khi ly hôn có tổ chức, cá nhân nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị G, anh T xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí*:* Chị Dương Thị Hồng G phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

6. Về quyền kháng cáo: Chị G, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị Hồng G được ly hôn anh Tạ Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Hồng G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005636 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội. Chị G đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trí Tuyển

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện P;
- Lưu hồ sơ.